

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2025/DS-PT
Ngày: 06-3-2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng xây dựng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 02 và 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 554/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 610/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Minh S, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: 1. Ông Võ Long Thanh T, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi thường trú: số A, Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ: số B ấp M, xã M, thành phố M, Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: số A, Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần Đ.

Địa chỉ: ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Long Thanh T, chức vụ: Giám đốc.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Long Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Minh S trình bày:*

Ngày 22/5/2023 ông có thỏa thuận miệng với ông Võ Long Thanh T và ông Nguyễn Minh H thi công các công trình của Công ty cổ phần Đ tại địa chỉ ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể:

- Làm nền móng cho nhà xưởng với diện tích ngang 16m x dài 36m.
- Làm hầm cho hệ thống đăng kiểm, ủi cỏ sang mặt bằng diện tích 3.000m².
- Xây nhà vệ sinh.

Giá trị hợp đồng là 178.000.000 đồng. Ông T, ông H đã tạm ứng cho ông 70.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản để ông bắt đầu công việc.

Khi ông thi công được 70% khối lượng công việc tương đương giá trị hợp đồng là 132.000.000 đồng thì Công ty cổ phần Đ1- 03D không cung cấp nguyên vật liệu cho ông thi công nữa, ông H tự nguyện yêu cầu ông ngừng việc thi công công trình, ông yêu cầu ông T, ông H thanh toán cho ông số tiền còn lại là 52.000.000 đồng nhưng ông T, ông H chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Sự việc phát sinh tranh chấp được Công an xã S tiến hành giải quyết và lập biên bản giải thích và biên bản ghi nhận ý kiến các bên tự thỏa thuận vào ngày 05/8/2023. Theo đó, ông T, ông H đồng ý hoàn trả cho ông số tiền 52.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay ông T, ông H cũng không thực hiện trả tiền cho ông.

Ông Phạm Minh S yêu cầu ông Võ Long Thanh T, ông Nguyễn Minh H trả cho ông số tiền thi công công trình còn nợ là 52.000.000 đồng, thực hiện một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Võ Long Thanh T trình bày:*

Ông Phạm Minh S có thi công các công trình của Công ty cổ phần Đ1- 03D tại địa chỉ ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể:

- Làm nền móng cho nhà xưởng với diện tích ngang 16m x dài 36m.
- Làm hầm cho hệ thống đăng kiểm, ủi cỏ sang mặt bằng diện tích 3.000m².
- Xây nhà vệ sinh.

Giá trị hợp đồng ông chưa xác định được do chưa thu thập đủ tài liệu từ bộ phận kế toán của Công ty cổ phần Đ2. Ông đã tạm ứng cho ông S 70.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản để ông S bắt đầu công việc.

Khi phát sinh tranh chấp thì Công an xã S tiến hành giải quyết và lập biên bản giải thích và biên bản ghi nhận ý kiến các bên tự thỏa thuận vào ngày 05/8/2023. Tuy nhiên, thời điểm này giữa ông và ông S vẫn chưa thống nhất về khối lượng công trình thi công nên chưa xác định được số tiền cụ thể còn nợ ông S.

Nay đối với yêu cầu của ông S về việc yêu cầu ông và ông H thanh toán cho ông S số tiền còn nợ là 52.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì Hợp đồng thi công công trình là giao dịch giữa Công ty cổ phần Đ2 và cá nhân ông S.

** Bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:*

Ngày 22/5/2023 ông và ông Võ Long Thanh T có thỏa thuận miệng với ông Phạm Minh S thi công các công trình của Công ty cổ phần Đ2 tại địa chỉ ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể:

- Làm nền móng cho nhà xưởng với diện tích ngang 16m x dài 36m.
- Làm hầm cho hệ thống đăng kiểm, ủi cỏ sang mặt bằng diện tích 3.000m².
- Xây nhà vệ sinh.

Giá trị hợp đồng là 178.000.000 đồng. Ông T và ông đã tạm ứng cho ông S 70.000.000 đồng để ông S bắt đầu công việc.

Khi ông thi công được 70% khối lượng công việc tương đương giá trị hợp đồng là 132.000.000 đồng thì ông và ông T yêu cầu ông S ngừng việc thi công công trình và tổng kết số tiền hai ông còn nợ lại ông S là 52.000.000 đồng.

Khi Công an xã S tiến hành giải quyết và lập biên bản giải thích và biên bản ghi nhận ý kiến các bên tự thỏa thuận vào ngày 05/8/2023 thì ông và ông T có hứa sẽ tìm phương án trả số tiền 52.000.000 đồng cho ông S. Tuy nhiên, đến nay ông và ông T vẫn chưa thống nhất được phương án sẽ trả tiền cho ông S như thế nào nên chưa thực hiện được.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý liên đới cùng ông T thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn. Khi nào ông và T bán được hạ tầng tài sản của Công ty cổ phần Đ1- 03D sẽ thực hiện trả tiền cho ông S.

** Người đại diện theo pháp luật người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ là ông Võ Long Thanh T trình bày:*

Hợp đồng thi công công trình đang trình chấp là giao dịch giữa Công ty cổ phần Đ1- 03D và cá nhân ông S, không phải giao dịch giữa cá nhân ông T và ông H với ông S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 175/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228;

Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 138 Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh S.

Buộc ông Võ Long Thanh T, ông Nguyễn Minh H trả cho ông Phạm Minh S số tiền thi công công trình còn nợ là 52.000.000 đồng, thực hiện một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/9/2024 bị đơn Võ Long Thanh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh S, ông H bảo lưu ý kiến như đã nêu ở cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: yêu cầu kháng cáo của anh T không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 175/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Võ Long Thanh T1, ông Nguyễn Minh H trả số tiền 52.000.000 đồng, đây là số tiền mà anh S đã thi công thuê nhà xưởng theo yêu cầu của anh T1, ông H, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng xây dựng*” và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 06/9/2024 Tòa án nhân dân thành phố M xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, ngày 18/9/2024 bị đơn kháng cáo bản án là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của anh T1, anh cho rằng anh S thi công nhà xưởng là cho công ty cổ phần Đ, không phải cá nhân anh và ông H, anh S thi công chưa đúng khối lượng nên không đồng ý trả, xét thấy lời trình bày này không có căn cứ, bởi lẽ, giữa các bên chỉ giao kết hợp đồng bằng lời nói, không có văn bản hay chứng cứ nào thể hiện cụ thể công ty cổ phần Đ ký kết hợp đồng, cũng không nêu hạng mục, khối lượng công việc phải thực hiện như thế nào, bản thân anh T1, ông H là người trực tiếp tạm ứng tiền cho những người thi công, sau khi phát sinh tranh tại các biên bản sự việc lập ngày 05/8/2023 tại Công an xã S, huyện C thì anh T1, ông H và anh S, các bên đã thống nhất số tiền còn nợ lại anh S là 52.000.000 đồng, cam kết thanh toán nay lại không đồng ý trả là không có cơ sở, không phù hợp pháp luật. Mặt khác trong vụ án này cấp sơ thẩm buộc cả anh T1, ông H cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho anh S, ông H chấp nhận thanh toán phần nợ cho anh S và không kháng cáo, anh T1 thoái thác, đùn đẩy trách nhiệm là không phù hợp.

Từ các phân tích trên, xét kháng cáo của anh T1 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Cấp sơ thẩm tuyên buộc bên có nghĩa vụ thực hiện một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là không phù hợp quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự nên cần rút kinh nghiệm.

Ý kiến của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Long Thanh T.

Giữ nguyên bản án số 175/2024/DSST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 138 Luật Xây dựng năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh S.

1. Buộc ông Võ Long Thanh T, ông Nguyễn Minh H trả cho ông Phạm Minh S số tiền thi công công trình còn nợ là 52.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: anh Võ Long Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp xong theo biên lai số 0006622 ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang xem như anh Võ Long Thanh T đã thực hiện xong phần án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng